

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T D
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày 16- 8- 2021
V/v: Tranh chấp hôn nhân & gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Moong Công Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Quang

Bà Nguyễn Thị Thu Lê

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Ái - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 47/2021/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Ng V Th, sinh năm 1994. Có mặt

Địa chỉ: Khối H Đ, thị trấn Th Gi, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Chị V Th T. Sinh năm 1995. Có đơn xét xử vắng mặt.

HKTT: Khối H Đ, thị trấn Th Gi, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 70, tổ 3, phường Ch L, thành phố P ku, tỉnh Gi L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn nộp ngày 26 tháng 4 năm 2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Ng V Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Th và chị T quen biết, yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C L, thành phố P Ku, tỉnh Gi L vào ngày 07/3/2016 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến sống hạnh phúc đến cuối năm 2017

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hòa hợp nhau, thường xuyên cãi vã, trong cuộc sống quá bất đồng quan điểm dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, năm 2017 chị T bỏ về nhà ngoại sinh sống nên vợ chồng sống ly thân. Nay anh Th có nguyện vọng ly hôn với chị T để ổn định cuộc sống và công việc.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh Th và chị T có 01 con chung là cháu Ng V Th, sinh ngày 16/11/2016 hiện cháu đang sống cùng mẹ và ông bà ngoại tại Số nhà 70, tổ 3, phường C L, thành phố P Ku, tỉnh Gi L. Nếu ly hôn anh Th có nguyện vọng con do chị T chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con anh và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết..

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Th chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13 tháng 5 năm 2021 bị đơn chị V Th T trình bày:

Về tình cảm: Chị T và anh Th sau 03 tháng tìm hiểu nhau thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C L, thành phố P Ku, tỉnh Gi L vào ngày 07/3/2016 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau. Nay anh Th có nguyện vọng ly hôn với chị T thì chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh Th có 01 con chung là cháu Ng V Th, sinh ngày 16/11/2016 hiện cháu đang sống cùng tôi và ông bà ngoại tại Số nhà 70, tổ 3, phường C L, thành phố P Ku, tỉnh Gi L. Nếu ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Th không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Ng V Th. Về con chung giao cháu Ng V Th cho chị V Th T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành; về cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tổ tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị V Th T có hộ khẩu thường trú tại khối H Đ, thị trấn Th Gi, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn anh Ng V Th và bị đơn chị V Th T thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Anh Th và chị T kết hôn với nhau vào năm 2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được UBND phường C L, thành phố P Ku, tỉnh Gi L cấp giấy chứng nhận kết hôn tại số 04/2016 ngày 07/3/2016 vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

1. Tình trạng hôn nhân: Anh Th và chị T trong quá trình sống chung bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, anh Th không còn tình cảm với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của anh Th và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh Th là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2. Con chung: Anh Th và chị T có 01 con chung là cháu Ng V Th, sinh ngày 16/11/2016 hiện cháu đang sống cùng chị T và ông bà ngoại tại Số nhà 70, tổ 3, phường C L, thành phố P Ku, tỉnh Gi L. Anh Th và chị T đều có nguyện vọng cháu Thịnh do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Cả chị T và anh Th đều không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy nguyện vọng của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cũng như quy định của pháp luật nên cần chấp nhận nguyện vọng của các bên là phù hợp.

3. Tài sản, nợ chung: Anh Th và chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Án phí và quyền kháng cáo: Anh Ng V Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, và Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 47 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Ng V Th được ly hôn với chị V Th T.

2. Con chung:

- Giao cháu Ng V Th, sinh ngày 16/11/2016 cho chị V Th T chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành.

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Th.

- Anh Th có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Án phí: Anh Ng V Th phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã theo biên lai số 0000701 ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 16 tháng 8 năm 2021. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND H.T D;
- UBND P.C L, P Ku;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.T D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Moong Công Hải